

Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương lần đầu tiên được áp dụng trên cả nước

Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã xây dựng Bộ Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) và chính thức triển khai trên toàn quốc từ năm 2023. Đây là công cụ phản ánh mô hình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) của từng địa phương trên cả nước, đồng thời góp phần cải thiện năng lực, kết quả ĐMST cấp quốc gia.

Việt Nam cần có bộ chỉ số PII

Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 đã khẳng định phải đổi mới mô hình tăng trưởng của nước ta theo hướng “chuyển dần từ dựa vào gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào của sản xuất sang dựa vào tăng năng suất, chất lượng lao động, ứng dụng KH,CN&ĐMST”. Tuy nhiên, do chưa có các mô tả định lượng để hình dung và cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nên cần phải có một bộ chỉ số mô tả hiện trạng mô hình phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST.

Ở cấp quốc gia, từ năm 2017, như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Chính phủ đã sử dụng bộ chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) do Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố hằng năm nhằm xác định các điểm mạnh, điểm yếu của quốc gia. Từ đó, đưa ra các giải pháp, biện pháp cải thiện phù hợp, kịp thời xây dựng, ban hành các chính sách liên quan. Tại Nghị quyết hằng năm, Chính phủ phân công cụ thể đến từng bộ, ngành chủ trì theo dõi và cải thiện các chỉ số Việt Nam còn hạn chế, đồng thời giao Bộ KH&CN làm đầu mối điều phối, theo dõi chung.

Tiền bộ về xếp hạng chỉ số GII của Việt Nam 2017-2023

| | 2017 (127 QG) | 2018 (126 QG) | 2019 (129 QG) | 2020 (131 QG) | 2021 (132 QG) | 2022 (132 QG) | 2023 (132 QG) |
|---|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|
| Nhóm chỉ số đầu vào ĐMST | 71 | 65 | 63 | 62 | 60 | 59 | 57[↓] |
| 1. Thể chế | 87 | 78 | 81 | 83 | 83 | 51 | 48[↓] |
| 2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu | 70 | 66 | 61 | 79 | 79 | 80 | 71[↑] |
| 3. Cơ sở hạ tầng | 77 | 78 | 82 | 73 | 79 | 71 | 70[↑] |
| 4. Trình độ phát triển của thị trường | 34 | 33 | 29 | 34 | 22 | 43 | 49[↓] |
| 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp | 73 | 66 | 69 | 39 | 47 | 50 | 49[↑] |
| Nhóm chỉ số đầu ra ĐMST | 38 | 41 | 37 | 38 | 38 | 41 | 40[↑] |
| 6. Sản phẩm tri thức và công nghệ | 28 | 35 | 27 | 37 | 41 | 52 | 48[↑] |
| 7. Sản phẩm sáng tạo | 52 | 46 | 47 | 38 | 42 | 35 | 36[↓] |
| Xếp hạng chung | 47 | 45 | 42 | 42 | 44 | 48 | 46[↑] |

Thứ hạng của các quốc gia khu vực ASEAN 2017-2023

| TT | Quốc gia | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|----|-------------|------------------------------|------|------|------|------|------|------------------------|
| 1 | Singapore | 7 | 5 | 8 | 8 | 8 | 7 | 5[↑] |
| 2 | Malaysia | 37 | 35 | 35 | 33 | 36 | 36 | 36= |
| 3 | Thái Lan | 51 | 44 | 43 | 44 | 43 | 43 | 43= |
| 4 | Việt Nam | 47 | 45 | 42 | 42 | 44 | 48 | 46[↑] |
| 5 | Philippines | 73 | 73 | 54 | 50 | 51 | 59 | 56[↑] |
| 6 | Indonesia | 87 | 85 | 85 | 85 | 87 | 75 | 61[↑] |
| 7 | Brunei | 71 | 67 | 71 | 71 | 82 | 92 | 87[↑] |
| 8 | Campuchia | 110 | 98 | 98 | 110 | 109 | 97 | 101[↓] |
| 9 | Lào | Chưa được đánh giá, xếp hạng | | | 113 | 117 | 112 | 110[↑] |
| 10 | Myanmar | Chưa được đánh giá, xếp hạng | | | 129 | 127 | 116 | -- |

Thông tin về xếp hạng chỉ số GII năm 2023.

Những năm qua, kết quả chỉ số GII của Việt Nam luôn có sự cải thiện tích cực. Việt Nam liên tục được tổ chức WIPO ghi nhận là quốc gia có điểm số cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước cùng nhóm thu nhập. Năm

2023, Việt Nam xếp thứ 46, tăng 02 bậc so với năm 2022. Trong 10 năm qua, tính từ năm 2013, thứ hạng GII của Việt Nam tăng 30 bậc (từ vị trí 76 lên 46). Việt Nam liên tục duy trì vị trí dẫn đầu trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp.

Ở cấp địa phương, thực tế cho thấy, do chỉ số GII đánh giá ở cấp quốc gia nên nhiều số liệu thống kê ở cấp địa phương không có. Phương pháp đánh giá theo quy chuẩn quốc tế còn mới nên có những điểm không tương đồng với thực tiễn các địa phương của Việt Nam. Bên cạnh đó, do có sự khác biệt giữa các địa phương về quy mô KT-XH, dân số, đất đai, cơ cấu kinh tế, định hướng phát triển... nên các địa phương cần và phải lựa chọn mô hình phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST khác nhau, phù hợp với bối cảnh, điều kiện, đặc điểm riêng. Do đó, nhiều địa phương đã kiến nghị cần có bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương để có căn cứ khoa học và có số liệu minh chứng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST tốt hơn, sát với thực tiễn hơn.

Cung cấp bức tranh tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển KT-XH

Được sự hỗ trợ kỹ thuật của WIPO, trên cơ sở nghiên cứu và tham khảo kinh nghiệm xây dựng các bộ chỉ số cấp địa phương đã có trong nước (PCI, PAR, PAPI...) và kinh nghiệm nước ngoài (trên thế giới mới chỉ có một số quốc gia xây dựng bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương như Trung Quốc, Ấn Độ, Columbia, Mỹ... trong đó, Ấn Độ và Columbia cũng dựa trên bộ chỉ số ĐMST toàn cầu GII của WIPO), Bộ KH&CN đã xây dựng Bộ Chỉ số ĐMST cấp địa phương theo 10 bước như hướng dẫn của OECD cho xây dựng bộ chỉ số tổng hợp, phù hợp với bối cảnh thực tiễn, đặc điểm của các địa phương ở Việt Nam.

Trong giai đoạn thiết kế khung chỉ số và các chỉ số thành phần, sự tham gia cố vấn kỹ thuật tích cực của Tổ chức WIPO, sự phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm của các Bộ, cơ quan đã xây dựng thành công các chỉ số cấp địa phương tại Việt Nam, sự tham gia đóng góp ý kiến của các địa phương đã giúp Bộ KH&CN xây dựng, hoàn thiện được khung chỉ số và các chỉ số thành phần. Năm 2022, Bộ KH&CN đã lựa chọn 20 tỉnh/thành phố tham gia thử nghiệm, phân bố ở cả 6 vùng kinh tế, có mức thu nhập, cơ cấu kinh tế khác nhau, đủ tiêu chí để đại diện cho tất cả 63 tỉnh/thành phố trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở thành công của thử nghiệm năm 2022, Bộ KH&CN tiếp tục hoàn thiện khung chỉ số, phương pháp để triển khai trên toàn quốc từ năm 2023.

Bộ chỉ số PII năm 2023 có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột (theo sát cấu trúc của bộ chỉ số GII), gồm: 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST gồm: (1) Thể chế, (2) Vốn con người và Nghiên cứu và phát triển, (3) Cơ sở hạ tầng, (4) Trình độ phát triển của thị trường và (5) Trình độ phát triển của doanh nghiệp; và 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của KH,CN&ĐMST vào phát triển KT-XH gồm: (6) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, (7) Tác động.



Hình so sánh khung chỉ số GII năm 2023 và PII Việt Nam năm 2023.

Nguồn dữ liệu để xây dựng bộ chỉ số PII 2023 được thu thập dựa trên số liệu từ các báo cáo thống kê, báo cáo quản lý chính thức của các cơ quan trung ương và địa phương; số liệu từ các bộ chỉ số khác (bộ chỉ số Cải cách hành chính, bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bộ chỉ số Chuyển đổi số, bộ chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh).

Với mỗi địa phương, kết quả đánh giá, xếp hạng của từng chỉ số, nhóm chỉ số và trụ cột được trình bày trong một bảng thông tin tổng hợp. Đồng thời, 5 điểm mạnh và 5 điểm yếu của mỗi địa phương cũng được chỉ rõ. Trên cơ sở các thông tin này, địa phương có thể nhận diện được những vấn đề cần chú trọng để từ đó có chỉ đạo, điều hành trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp, giải pháp thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST của địa phương, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, năng lực ĐMST của địa phương và của quốc gia.

Ngoài ra, biểu đồ mạng nhện theo 7 trụ cột (theo điểm số) của từng địa phương cũng được thiết lập, trong đó có so sánh với điểm số cao nhất, điểm số thấp nhất và mức trung bình để các địa phương nhận diện rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu theo từng trụ cột của ĐMST.

Dự kiến, kết quả xếp hạng chỉ số PII năm 2023 sẽ được Bộ KH&CN công bố vào đầu năm 2024.

Mục đích, ý nghĩa của bộ chỉ số PII

Bộ chỉ số PII nhằm cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển KT-XH của từng địa phương, qua đó cung cấp căn cứ và bằng chứng về điểm mạnh, điểm yếu, về các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST của từng địa phương, giúp cho các cấp lãnh đạo của địa phương có cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định, lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho phát triển KT-XH của địa phương dựa trên KH,CN&ĐMST.

Với chính quyền các cấp, bộ chỉ số PII cung cấp các căn cứ về điểm mạnh, điểm yếu, các yếu tố tiềm năng và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST của từng địa phương; làm cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng, thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH,CN&ĐMST; thúc đẩy thực hiện các sáng kiến phát triển KT-XH ở địa phương dựa trên KH,CN&ĐMST, tận dụng các thế mạnh và vượt qua các thách thức; cung cấp công cụ, kĩ thuật cho phép đánh giá, so sánh năng lực, kết quả hoạt động KH,CN&ĐMST giữa các địa phương cũng như chất lượng điều hành, quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; góp phần nâng cao năng lực và kết quả hoạt động KH,CN&ĐMST quốc gia.

Đối với nhà đầu tư, kết quả đánh giá PII của địa phương sẽ là thông tin tham khảo hữu ích về môi trường đầu tư địa phương để đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp.

Đối với khu vực nghiên cứu, bộ chỉ số PII cung cấp cơ sở dữ liệu toàn diện với hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, có thể so sánh được qua thời gian và thúc đẩy các nghiên cứu khác.

Bộ chỉ số PII cũng có ý nghĩa đối với cộng đồng các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ để xem xét, cân nhắc các tài trợ và hoạt động có liên quan tại các địa phương ở Việt Nam.

Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST).